

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN MINH TUẤN

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA MỸ VÀO VIỆT NAM
TỪ KHI THỰC HIỆN LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐẾN 2010**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế
Mã số: 62 31 01 06

HÀ NỘI - 2016

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN MINH TUẤN

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA MỸ VÀO VIỆT NAM
TỪ KHI THỰC HIỆN LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐẾN 2010**

Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế
Mã số: 62 31 01 06

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
1. PGS. TS. Đỗ Đức Định
2. PGS. TS. Phạm Thị Thanh Bình

HÀ NỘI-2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án là của tác giả và các thông tin trích dẫn trong luận án đã được ghi rõ nguồn gốc.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Tác giả luận án

Nguyễn Minh Tuấn

MỤC LỤC

	Trang
Mở đầu	1
Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ vào Việt Nam	5
1.1. Nghiên cứu ngoài nước	5
1.2. Nghiên cứu trong nước	10
Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ vào Việt Nam.....	21
2.1. Cơ sở lý luận	21
2.1.1. Khái niệm của các tổ chức quốc tế và Việt Nam về đầu tư trực tiếp nước ngoài.....	21
2.1.2. Quan điểm của Mỹ về đầu tư trực tiếp nước ngoài	23
2.1.3. Các lý thuyết về đầu tư trực tiếp nước ngoài	25
2.2. Cơ sở thực tiễn	37
2.2.1. Dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới.....	37
2.2.2. Tình hình và đặc điểm đầu tư trực tiếp của Mỹ ra nước ngoài.....	42
2.2.3. Thực tiễn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số quốc gia Châu Á	54
Chương 3: Thực trạng đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam.....	60
3.1. Quan điểm chính sách của Mỹ về đầu tư vào Việt Nam	60
3.1.1. Quan điểm chính sách của các nhà đầu tư Mỹ	60
3.1.2. Quan điểm chính sách của Chính phủ Mỹ.....	64
3.2. Quan điểm chính sách của Việt Nam đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài	66
3.3. Thực trạng đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam.....	74
3.3.1. Quy mô đầu tư.....	74
3.3.2. Cơ cấu đầu tư	82
3.3.3. Hình thức đầu tư	92

3.3.4. Phân bổ đầu tư.....	96
3.4. Đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài Mỹ tại Việt Nam	101
3.5. Những nhân tố hạn chế đầu tư Mỹ vào Việt Nam.....	108
Chương 4: Triển vọng đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam và một số gợi ý chính sách cho Việt Nam.....	116
4.1. Triển vọng đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ vào Việt Nam.....	116
4.1.1. Bối cảnh quốc tế, Mỹ và Việt Nam	116
4.1.2. Triển vọng đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam.....	128
4.2. Một số gợi ý chính sách tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ vào Việt Nam	132
4.2.1. Những chính sách chung.....	132
4.2.2. Những chính sách thu hút đầu tư từ các nhà đầu tư Mỹ.....	139
Kết luận.....	143
Danh mục công trình của tác giả.....	147
Tài liệu tham khảo	148
Phụ lục.....	162

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

APEC	: Asia-Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
ASEAN	: Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BIT	: Bilateral Investment Treaty	Hiệp định đầu tư song phương
BTA	: Bilateral Trade Agreement	Hiệp định thương mại song phương
BRICS	: Brazil, Russia, India, China, South Africa	Các nền kinh tế mới nổi (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Phi)
CAGR	: Compounded Annual Growth Rate	Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm
ĐTNN	:	Đầu tư nước ngoài
EU	: European Union	Liên minh Châu Âu
FDI	: Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	: Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
GNP	: Gross National Product	Tổng sản phẩm quốc dân
IDP	: Investment Development Path	Các bước phát triển của đầu tư
IMF	: International Monetary Fund	Quỹ tiền tệ quốc tế
IPR	: Intellectual Property Rights	Quyền sở hữu trí tuệ
IT	: Internal Transaction	Giao dịch nội bộ
ITA	: Information Technology Agreement	Hiệp định công nghệ thông tin
M&A	: Mergers and Acquisitions	Mua bán và sáp nhập xuyên biên giới
MC	: Marginal Cost	Chi phí cận biên
MT	: Market Transaction	Giao dịch thị trường
OECD	: Organization for Economic Co-operation and Development	Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển

OLI	:		Lý thuyết chiết chung
OPIC	:	Overseas Private Investment Corporation	Công ty Đầu tư tư nhân hải ngoại
TNC	:	Transnational Corporation	Công ty xuyên quốc gia
TPP	:	Trans-Pacific Partnership	Đôi tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương
UNCTAD	:	United Nations Conference on Trade and Development	Diễn đàn Thương mại và Phát triển Liên Hiệp quốc
USAID	:	United States Agency for International Development	Cơ quan phát triển Quốc tế Mỹ
WTO	:	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 3.1 FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 1988-2001	76
Bảng 3.2 FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2002-2007	79
Bảng 3.3 FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2008 đến nay	81
Bảng 3.4 Cơ cấu FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 1988 - 2001	83
Bảng 3.5 Cơ cấu FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2001 - 2007	84
Bảng 3.6 Cơ cấu FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2008 - 2015	88
Bảng 3.7 Hình thức FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 1988 - 2001	93
Bảng 3.8 Hình thức FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2002 - 2007	94
Bảng 3.9 Hình thức FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2008 - 2015	96
Bảng 3.10 Phân bố FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 1988 - 2001	97
Bảng 3.11 Phân bố FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2002 - 2007	99
Bảng 3.12 Phân bố FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2008 - 2015	100

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

	Trang
Hình 2.1 Mô hình về lợi ích của FDI	26
Hình 2.2 Đường Chi phí cận biên điển hình	34
Hình 2.3 FDI trong tổng các dòng vốn ĐTNN vào các nước đang phát triển	38
Hình 3.1 Xu hướng FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 1988-2001	78
Hình 3.2 Xu hướng FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2002-2007	80
Hình 3.3 Xu hướng FDI của Mỹ vào Việt Nam giai đoạn 2008-2015	82
Hình 3.4 CAGR trung bình theo loại hình doanh nghiệp của Bảng xếp hạng FAST 500	102
Hình 4.1 Mức độ hài lòng của các nhà đầu tư tại Việt Nam	132

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một trong các con đường phát triển kinh tế của các quốc gia đang phát triển thiếu hụt vốn, đồng thời đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cũng là con đường phát triển có hiệu quả của các nước “dư thừa” vốn, nhất là đối với các quốc gia phát triển. Mỹ là nước có tiềm lực kinh tế mạnh với hàng trăm công ty đa quốc gia quy mô hàng đầu thế giới, hoạt động trên nhiều lĩnh vực và tại nhiều quốc gia. Các công ty Mỹ đầu tư nhiều nhất vào các nước phát triển có cơ sở hạ tầng phát triển, đội ngũ lao động chuyên môn cao, môi trường pháp luật minh bạch. Dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của Mỹ luôn đứng đầu thế giới, chủ yếu chảy vào Châu Âu, Mỹ La tinh, Châu Á - Thái Bình Dương, Canada, Châu Phi - Trung Đông. Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó nổi lên là khu vực Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đang ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn của giới đầu tư Mỹ. Với vị trí địa lý thuận lợi, chính sách hội nhập sâu rộng, môi trường kinh tế vĩ mô được cải thiện, chi phí nhân công rẻ, hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện, Việt Nam được giới đầu tư Mỹ đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn hàng đầu trong ASEAN.

Sau 30 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành công lớn. Những thành công này có phần đóng góp quan trọng của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam [65], trong đó có đóng góp rất quan trọng của FDI Mỹ [62].

Tuy nhiên, tổng lượng vốn FDI của Mỹ vào Việt Nam là tương đối thấp và không tương xứng với điều kiện sẵn có của hai nước cũng như lợi thế so sánh của mỗi nước. Lượng vốn FDI của Mỹ vào Việt Nam thấp là do nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan, cả từ phía Mỹ và phía Việt Nam. Trước khi bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ là do chính sách cấm vận của Mỹ, sau khi bình thường hóa quan hệ, nhất là sau Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA), tình hình tuy có được cải thiện song chưa đạt mức kỳ vọng. Cuộc Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn